UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HÀ SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/BC-UBND	*Hà Sơn, ngày 03 tháng 3 năm 2022*

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2022.

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân huyện Hà Trung.

Thực hiện Công văn số 447/UBND-NV ngày 01 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Hà Trung về việc báo cáo định kỳ Cải cách hành chính quý I năm 2022. UBND xã Hà Sơn báo cáo tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2022, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo điều hành.

1. Về Kế hoạch cải cách hành chính.

UBND xã đã ban hành Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Hà Sơn về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác Cải cách hành chính xã Hà Sơn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2022 của UBND xã về cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07/01/2022 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022. Các Kế hoạch đều được tổ chức triển khai nghiêm túc từ đó nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức về vai trò và ý nghĩa quan trọng của công tác cải cách TTHC. Các TTHC được niêm yết công khai, minh bạch tại UBND xã và trên cổng thông tin điện tử của UBND xã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đến giao dịch, việc thực hiện các TTHC được thực hiện tại bộ phận "một cửa" đảm bảo đúng quy định 3 không và không gây phiền hà sách nhiễu cho tổ chức và cá nhân, các TTHC được giải quyết nhanh gọn đúng quy định đảm bảo sự hài lòng của nhân dân.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 2028/KH-UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Hà Trung về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Ban hành chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Chủ tịch UBND xã luôn quan tâm đến công tác cải cách TTHC của địa phương cụ thể chỉ đạo cho bộ phận chuyên môn thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định về cải cách TTHC của UBND tỉnh, huyện, đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất như máy vi tính, máy in, phòng làm việc, nơi tiếp công dân, bố trí

cán bộ có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm để tiếp công dân, hàng năm đều cử cán bộ, công chức đi tập huấn nâng cao trình độ theo hướng dẫn của UBND huyện, kiểm tra đôn đốc cán bộ chuyên môn thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính.

Tổ chức thực hiện tốt công tác CCTTHC trên các lĩnh vực theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản, thuận tiện và rút ngắn thời gian giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện nhiệm vụ, sử dụng thời gian làm việc trong giờ hành chính và quy định về những việc cán bộ, công chức không được làm.

2. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính.

UBND xã xem cải cách hành chính là nhiệm vụ chính trị do đó đã tập trung chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền đến mọi cán bộ, công chức thông qua các cuộc họp của UBND, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã thường xuyên.

Tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Ban hành chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đ i mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Được sự quan tâm của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã nên công tác cải cách TTHC ở địa phương đã được làm tốt đặc biệt là công tác giải quyết các TTHC cho công dân đảm bảo đúng quy định, nhanh chóng, kịp thời không gây phiền hà đảm bảo sự hài lòng của công dân đến giao dịch, việc niêm yết công khai bộ TTHC được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên cập nhật những TTHC đã hết hiệu lực, thay đổi bãi bỏ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Về cải cách thể chế.

1.1. Xây dựng và ban hành các văn bản áp dụng luật.

Việc ban hành các văn bản hành chính, văn bản áp dụng luật được UBND xã đặc biệt quan tâm nhất là về thể thức nội dung văn bản, căn cứ pháp lý, thẩm quyền ký văn bản do đó các văn bản được UBND xã ban hành đảm bảo về mặt nội dung, thể thức, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Công tác quản lý văn bản do HĐND, UBND xã ban hành được thực hiện đúng quy định, văn bản ban hành đảm bảo về thể thức, nội dung, thẩm quyền, tổng số văn bản hành chính đã ban hành quý I năm 2022 là 151 văn bản.

1.2. Rà soát các văn bản áp dụng luật:

Tăng cường công tác kiểm tra và rà soát các văn bản QPPL theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 03/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chủ động phối hợp với MTTQ các đoàn thể thực hiện có hiệu quả những nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Thực hiện công khai minh bạch các thủ tục hành chính và niêm yết tại bộ phận " Một cửa", cung cấp cho tổ chức và công dân về chính sách Pháp luật để nắm bắt và thực hiện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả luôn thực hiện tốt cơ chế " Một cửa", " Một cửa liên thông".

2. Cải cách thủ tục hành chính.

Công tác cải cách thủ tục hành chính có nhiều đổi mới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện theo đúng trình tự, các thủ tục hành chính với công dân, tổ chức được hướng dẫn và giải quyết đúng thời gian quy định của pháp luật.

UBND xã luôn chú trọng việc tăng cường kỷ cương kỷ luật hành chính và đạo đức công vụ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ, thực hiện nghiêm túc 3 không : (1) không phiền hà, sách nhiễu; (2) không yêu cầu bổ sung hồ sơ quá 1 lần trong quá trình thẩm tra, thẩm định, giải quyết công việc;(3) không trễ hẹn. Nhìn chung kết quả thực hiện 3 không đã có nhiều chuyển biến tích cực, việc giải quyết thủ tục hành chính thường được giải quyết ngay trong ngày làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong quá trình giao dịch, để công dân không phải mất nhiều thời gian đi lại.

Niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính, các khoản thu phí và lệ phí tại bộ phận một cửa và tại nơi làm việc của từng bộ phận chuyên môn. Cập nhật kịp thời và bổ sung các TTHC trên cổng thông tin điện tử của xã.

Cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hủy bỏ để đưa vào thực hiện đảm bảo đúng quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính.

Phân rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, chỉ đạo thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND. Thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công chức, việc chấp hành nhiệm vụ được giao. Phối hợp của các bộ phận, ban, ngành trong thực hiện công việc chung của UBND.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Tạo mọi điều kiện để cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do tỉnh, huyện tổ chức. Việc chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay. Đến nay cán bộ công chức có trình độ đại học 19/20 đạt 95,2%; trình độ trung cấp lý luận chính trị 20/20 cán bộ, công chức đạt 100 %.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức như chế độ tiền lương, chế độ BHXH, nghỉ hưu…,

5. Cải cách tài chính công.

Thực hiện có hiệu quả Nghị định 117/2013/NĐ- CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2015/NĐ - CP về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

UBND xã đã thực hiện tốt việc quản lý tài sản công, khai thác quản lý sử dụng có hiệu quả hệ thống máy móc như máy vi tính, máy phô tô và các tài sản của cơ quan, tiết kiệm tránh lãng phí.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử.

Để đáp ứng yêu cầu, nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính trên địa bàn, UBND xã tiếp tục quan tâm đầu tư trang thiết bị làm việc hiện đại để phục vụ công tác chuyên môn, 100% các bộ phận chuyên môn được nối mạng Internet, phần mềm quản lý hồ sơ công việc phục vụ công tác tìm kiếm thông tin trên mạng và thực hiện tốt việc quản lý, ứng dụng phần mềm chương trình quản lý hồ sơ công việc. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan được quan tâm, tổng số máy móc, thiết bị gồm: máy tính = 23 bộ và máy phô tô = 1 máy, tủ đựng tài liệu phục vụ công tác hiện đại hóa nền hành chính theo hướng hiện đại.

UBND xã thực hiện tốt việc tiếp nhận các văn bản đến của UBND huyện các cơ quan khác gửi đến và phát hành văn bản đi, đăng ký các văn bản đi qua hệ thống mạng góp phần giải quyết nhanh chóng các thông tin, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã được kịp thời.

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chuyển đổi việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001: 2008 sang phiên bản mới TCVN 9001: 2015 nhằm tiếp tục cải cách nền hành chính và hệ thống hóa quy trình xử lý công việc hợp lý, khoa học, phù hợp. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đã góp phần quan trọng trong công tác cải cách hành chính hướng tới phục vụ nhân dân một cách công khai, minh bạch và hiệu quả.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Ưu điểm.

- Công tác tuyên truyền và nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân về công tác CCHC được nâng lên.

- Công tác cải cách hành chính được quan tâm, triển khai thực hiện và đạt kết quả tích cực có bước chuyển biến rõ nét và đạt hiệu quả cao trên cả 6 nội dung.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức có chuyển biến; hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị được nâng lên.

- Thủ tục hành chính công khai minh bạch. Cơ chế một cửa hoạt động có hiệu quả, giảm thời gian giao dịch của tổ chức, cá nhân; thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư, sản xuất kinh doanh.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Việc giải quyết các TTHC bằng trực tuyến chưa được áp dụng, một số TTHC chưa được đưa lên trang thông tin điện tử, việc tuyên truyền về cải cách TTHC chưa thực sự đạt được hiệu quả cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ.

1. Cải cách thể chế:

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản do HĐND, UBND ban hành.

- Rà soát văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có chứa QPPL do HĐND và UBND xã ban hành; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung bãi bỏ, hủy bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ cho phù hợp; phát hiện các vấn đề qua kiểm tra để xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

- Tiếp tục cập nhật, công bố, công khai TTHC theo quy định của UBND tỉnh, bảo đảm 100 % TTHC và các quy định có liên quan được cập nhật công bố đầy đủ và kịp thời và 100% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch Cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 của xã theo hướng dẫn của huyện đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Thực hiện công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC.

- Công khai minh bạch TTHC bằng nhiều hình thức thiết thực và thích hợp để tổ chức, cá nhân nắm bắt kịp thời, dễ hiểu và dễ thực hiện. Cập nhật kịp thời các TTHC khi có văn bản quy phạm mới quy định.

- Tiếp tục thực hiện tốt nội dung 3 không trong giải quyết TTHC: (1) không phiền hà, sách nhiễu; (2) không yêu cầu bổ sung hồ sơ quá 1 lần trong quá trình thẩm tra, thẩm định, trình giải quyết công việc; (3) không trễ hẹn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc theo hướng quản lý, đánh giá thực hiện công vụ dựa vào kết quả công tác và chất lượng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện của đội ngũ cán bộ, công chức.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:

- Đổi mới và nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ- CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Duy trì, nâng cấp các trang thiết bị, thường xuyên sử dụng thư điện tử để giao dịch trong công việc, đặc biệt là thực hiện tốt phàn mềm quản lý hồ sơ công việc, phần mềm dịch vụ công mức độ 3, 4.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2022, UBND xã Hà Sơn báo cáo để UBND huyện năm được./.

Nơi nhận:
- Như trên (để b/c);
- Phòng Nội vụ;
- Lưu: VT, VPTK.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Ngọ

Phụ lục 2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2022 CỦA UBND XÃ HÀ SƠN

(Kèm theo Báo cáo số: 05/BC-UBND ngày 03/3/2022 của UBND xã Hà Sơn)

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1.1.	Kế hoạch CCHC		01	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	1	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	01	
1.2.	Tự kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số vấn đề phát hiện qua tự kiểm tra	Vấn đề	0	
1.1.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	06	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	06	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	320	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
		Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn	Không = 0 Có = 1	1	
2.	**Cải cách thể chế**			
2.1.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	67	
2.2.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật đã tự kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	67	
2.3.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật đã rà soát	Văn bản	67	
2.4.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	**Cải cách thủ tục hành chính**			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Tổng số TTHC đang áp dụng	Thủ tục	264	
Trong đó	*Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp xã*	Thủ tục		
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền			
3.1.2.	*Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ*	%		
3.1.3.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.2.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tổng Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ	317	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
Trong đó	*Tiếp nhận trực tiếp*		186	
	Tiếp nhận qua BCCI		131	Trực tuyến
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 3	Số lượng hồ sơ	37	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ	94	
3.2.1.	Số lượng hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hẹn	Số lượng hồ sơ	317	
Trong đó	*Trả trực tiếp*	Số lượng hồ sơ	186	
	Trả qua BCCI	Số lượng hồ sơ	131	
	Giải quyết trực tuyến mức độ 3	Số lượng hồ sơ	37	
	Giải quyết trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ	94	
3.2.2.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hẹn	Số lượng hồ sơ		
3.2.3.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn	Số lượng hồ sơ		
3.3.	Công khai kết quả giải quyết			
3.3.1.	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết		
3.3.2.	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	317	
3.3.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục	0	
3.4.	Số thư/ trường hợp đã công khai xin lỗi		0	
4.	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
4.1.	Số liệu về biên chế công chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
4.1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
4.1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.1.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	9	
5.	**Cải cách chế độ công vụ**			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.1.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.1.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện	Người	0	
5.1.4.	Số lãnh đạo UBND được bầu/bổ nhiệm mới	Người	0	
5.2.	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức *(cả về Đảng và chính quyền)*.			
5.2.1.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
5.2.2.	Số lượng công chức bị kỷ luật	Người	0	
6.	**Cải cách tài chính công**			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	4	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
7.	**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử**			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.2.	UBND xã được cấp chứng thư số.	Được cấp = 1 Chưa cấp = 0	1	
7.3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản	151	
7.3.1.	Tổng số VĂN BẢN ĐI	Văn bản	151	
Trong đó	*Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.4.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử			
7.4.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh	%		
7.5.	Dịch vụ công trực tuyến			

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	8	
7.5.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	20	
7.6.	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO			
7.6.2	Số lượng đơn vị cấp xã đã áp dụng	Đơn vị		
7.6.3	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	